TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2022/DSST
Ngày: 17/01/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Đức Hòa;
2/ Ông Phạm Thành Đô;
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2021/TLST – DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐXXST – DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa:
- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1966
Cư trú tại: Khu Đ, Tt Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Kh, sinh năm: 1979
Cư trú tại: Ấp 3, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Đàm Văn Th, sinh năm: 1984
Chị Chu Thị Th, sinh năm: 1983
Cư trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Bị đơn chị Chu Thị Th có mặt tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Đàm Văn Th vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2021 của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Kh trình bày: Ông Huỳnh Ngọc T và vợ chồng anh Đàm Văn Th, chị Chu Thị Th là chỗ quen biết với nhau. Ông Huỳnh Ngọc T đã cho vợ chồng anh Đàm Văn Th, chị Chu Thị Th vay hai lần với tổng số tiền là 460.000.000đ. Cụ thể: Ngày 13/4/2020 cho vay với số tiền 300.000.000đ hẹn đến ngày 25/5/2020 trả. Ngày 15/4/2020 cho vay với số tiền 160.000.000đ, hẹn đến ngày 25/5/2020 trả. Hai lần vay tiền có làm giấy mượn tiền do anh Đàm Văn Th viết và ký tên. Các bên không có thỏa thuận lãi suất. Khi vay tiền thì có một mình anh Đàm Văn Th đứng ra vay, ký nhận giấy tờ và nhận tiền, không có mặt chị Chu Thị Th. Mục đích vay tiền là để mua thuốc tây và đầu tư máy móc kinh doanh quán Karaoke. Nay đã quá thời hạn trả nợ mà anh Đàm Văn Th, chị Chu Thị Th không trả tiền theo thỏa thuận xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Ngọc T. Vì vậy, ông Huỳnh Ngọc T khởi kiện yêu cầu anh Đàm Văn Th, chị Chu Thị Th trả số tiền vay 460.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 26/5/2020 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phía bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn với lãi suất 0,83%/ tháng tính từ ngày 26/5/2020 cho đến ngày xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Chu Thị Th trình bày: Chị là vợ của anh Đàm Văn Th. Vợ chồng sống với nhau đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đối với việc anh Đàm Văn Th vay tiền của ông Huỳnh Ngọc T, chị hoàn toàn không biết. Số tiền anh Đàm Văn Th vay của ông Huỳnh Ngọc T, anh Đàm Văn Th không có sử dụng chi tiêu trong gia đình do anh Đàm Văn Th đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2019. Nay ông Huỳnh Ngọc T khởi kiện yêu cầu chị cùng anh Đàm Văn Th chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Huỳnh Ngọc T, chị không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Đàm Văn Th phải trả cho ông Huỳnh Ngọc T số tiền vay 460.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đàm Văn Th (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử

vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đàm Văn Th. Đối với anh Nguyễn Thành Kh là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành Kh.

[2] Xét: Ông Huỳnh Ngọc T khởi kiện anh Đàm Văn Th và chị Chu Thị Th yêu cầu trả số tiền vay 460.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Ông Huỳnh Ngọc T cung cấp giấy mượn tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn anh Đàm Văn Th và chị Chu Thị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Mặt khác, trong giấy mượn tiền lập ngày 13/4/2020 và giấy mượn tiền lập ngày 15/4/2020 đều ghi nhận địa chỉ cư trú của anh Đàm Văn Th tại thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa ông Huỳnh Ngọc T và anh Đàm Văn Th, chị Chu Thị Th được xác lập tháng 4 năm 2020. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Huỳnh Ngọc T khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*. Theo nội dung của giấy mượn tiền thì thời hạn trả là ngày 25/5/2020. Ngày 18/6/2021 ông Huỳnh Ngọc T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi của ông Huỳnh Ngọc T vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T yêu cầu anh Đàm Văn Th, chị Chu Thị Th trả số tiền vay 460.000.000đ: Ông Huỳnh Ngọc T khai nhận ông có cho anh Đàm Văn Th, chị Chu Thị Th vay số tiền là 460.000.000đ, thời hạn trả là ngày 25/5/2020. Việc vay tiền có làm giấy mượn tiền lập ngày 13/4/2020 và giấy mượn tiền lập ngày 15/4/2020, anh Đàm Văn Th có ký nhận. Theo nội dung biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 26 tháng 10 năm 2021 (bút lục số 28) Công an xã cho biết: Anh Đàm Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2019 anh Đàm Văn Th đi khỏi địa phương. Căn cứ vào quy định tại điểm e khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc anh Đàm Văn Th không có nơi cư trú ổn định được coi là cố tình giấu địa chỉ. Việc anh Đàm Văn Th vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc anh Đàm Văn Th vay tiền của ông Huỳnh Ngọc T là có thật.

Trong giấy mượn tiền lập ngày 13/4/2020 có ghi nhận *"đến ngày 25/5/2020 tôi sẽ hoàn trả lại cho ông Huỳnh Ngọc T"* và giấy mượn tiền lập ngày 15/4/2020 có ghi nhận: *"Tôi hứa đến ngày 25/5/2020 tôi sẽ hoàn trả số tiền trên"*. Như vậy, thời hạn anh Đàm Văn Th phải trả tiền vay cho ông Huỳnh Ngọc T chậm nhất là ngày 25/5/2020. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T về việc yêu cầu người vay trả số tiền vay 460.000.000đ là có cơ sở.

[6] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn khai nhận khi vay tiền các bên không có thỏa thuận lãi suất. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay không có lãi. Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác"*.

Như vậy, yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc T về việc yêu cầu người vay trả tiền lãi có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 26/5/2020 đến ngày 17/01/2022 (ngày xét xử) là 18 tháng 25 ngày x 0,83%/ tháng x 460.000.000đ = 75.341.852đ.

[7] Về trách nhiệm liên đới trả tiền: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu anh Đàm Văn Th cùng chị Chu Thị Th chịu trách nhiệm trả nợ. Chị Chu Thị Th khai nhận việc vay tiền mượn giữa anh Đàm Văn Th và ông Huỳnh Ngọc T, chị không có tham gia, không có mặt và hoàn toàn không biết về việc vay tiền này. Đồng thời, chị khai nhận thời gian anh Đàm Văn Th vay tiền của ông Huỳnh Ngọc T thì chị và anh Đàm Văn Th đang xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đang sống ly thân. Do đó, chị Chu Thị Th không đồng ý yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc T. Xét, phía nguyên đơn thừa nhận việc thỏa thuận vay tiền, giao nhận tiền không có mặt chị Chu Thị Th. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với việc trong giấy mượn tiền lập ngày 13/4/2020 và giấy mượn tiền lập ngày 15/4/2020 không có chữ ký của chị Chu Thị Th. Lời khai của chị Chu Thị Th về thời gian sống ly thân với anh Đàm Văn Th phù hợp với lời khai của người làm chứng. Do đó, có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Chu Thị Th là thật. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng việc anh Đàm Văn Th vay là để chi tiêu trong gia đình, phục vụ cho việc kinh doanh quán karaoke. Tuy nhiên, ông Huỳnh Ngọc T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vay tiền của anh Đàm Văn Th là để chi tiêu chung cho gia đình. Đối chiếu với quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì trường hợp vay tiền nói trên không thuộc một trong các trường hợp vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản. Vì vậy, yêu cầu chịu trách nhiệm trả nợ liên đới của ông Huỳnh Ngọc T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, buộc anh Đàm Văn Th phải trả cho ông Huỳnh Ngọc T số tiền vay và tiền lãi là 460.000.000đ + 75.341.852đ = 535.341.852đ.

[8] Về chi phí đăng thông tin đại chúng: Ông Huỳnh Ngọc T tự nguyện nộp không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, bị đơn anh Đàm Văn Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T được chấp nhận là 25.413.674đ. Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông Huỳnh Ngọc T thuộc hộ cận nghèo và được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 04/GCN-HN.HCN lập ngày 15/3/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Do đó, ông Huỳnh Ngọc T được miễn nộp tiền án phí.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bị đơn anh Đàm Văn Th trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T số tiền vay là 460.000.000 đồng và tiền lãi là 75.341.852đ. Tổng cộng số tiền phải trả là: 535.341.852đ (năm trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm bốm mươi mốt nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng).

2/ Về án phí: Buộc bị đơn anh Đàm Văn Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.413.674đ.

Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh